TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/HS-ST
Ngày 11-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Danh Long**.

2. Ông **Nguyễn Minh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Bàng Đức Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 144/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với:

1. Bị cáo: **NGUYỄN TUẤN A** - Sinh ngày: 25-10-1990 tại huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Căn hộ 0681, tòa 8111, khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Thanh X – Sinh năm: 1961; Con bà: Trần Thị Thanh H – Sinh năm: 1969; Vợ: Nguyễn Thị Bích L – Sinh năm: 1990 (đã ly hôn); Nguyễn Thị Thùy L – Sinh năm: 1996 (đã ly hôn); Con: 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo Nguyễn Tuấn A bị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số: 27/2008/HSST ngày 08-7-2008 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (thời điểm phạm tội, bị cáo Tuấn A chưa đủ 18 tuổi). Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 72/2023/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị cáo: **LƯU VĂN T** - Sinh ngày: 30-3-2001 tại huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lưu Thế Q – Sinh năm: 1974; Con bà: Vũ Thị L– Sinh năm: 1978; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 73/2023/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Bị hại: Anh **Đỗ Văn Th** – Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Cầu Giát, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị **Nguyễn Thị Thùy L** – Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10-2022, anh Đỗ Văn Th đặt mua 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 qua zalo của một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 1.000.000 đồng. Ngày 17-4-2023, anh Th thuê xe mô tô biển số 19F1 – 414.25 của anh Nguyễn Trọng T- Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, anh T để lại 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 giả mua được trước đó để anh T giữ.

Ngày 16-5-2023, anh Đỗ Văn Th liên hệ với một người tên là anh Lê Văn Đ - Sinh năm 1997 là cộng tác viên môi giới của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Eagle Capital cho thuê xe ô tô tự lái của bị cáo Nguyễn Tuấn A để thuê xe ô tô. Sau khi trao đổi với anh Đ qua tin nhắn Zalo, anh Th đồng ý thuê chiếc xe ô tô BKS 88A-465.85 màu trắng, nhãn hiệu VINFAST LUX A2.0 với giá 1.200.000 đồng/ngày, thời hạn thuê là 05 ngày, khi thuê anh Th phải trả luôn số tiền thuê xe là 6.000.000 đồng, đặt cọc trước 30.000.000 đồng và trả 1.000.000 đồng tiền phí mang xe đến tận nhà anh Th. Ngay sau khi thỏa thuận, anh Th đã chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng và gửi ảnh chụp giấy phép lái xe ô tô của mình (giấy phép lái xe ô tô hạng B2 giả) cho anh Đ. Anh Đ hẹn chiều ngày 17-5-2023 mang xe ô tô đến chỗ anh Th và làm hợp đồng thuê xe. Sau đó, anh Đ gửi số điện thoại và giấy phép lái xe ô tô giả của anh Th cho bị cáo Nguyễn Tuấn A để bị cáo Tuấn A liên hệ cho anh Th thuê xe ô tô BKS 88A-465.85.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 17-5-2023, anh Th ngồi ở quán nước Hồng Anh gần đường quốc lộ 2C thuộc thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc gửi vị trí qua ứng dụng zalo cho bị cáo Tuấn A rồi chờ bị cáo Tuấn A mang xe đến. Khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo Tuấn A điều khiển xe ô tô biển số đăng ký 88A-465.85 màu trắng, nhãn hiệu VINFAST LUX A2.0 chở bị cáo Lưu Văn T (nhân viên công ty của bị cáo Tuấn A) đến chỗ anh Th. Tại quán nước

Hồng Anh, bị cáo Tuấn A và anh Th ký hợp đồng thuê xe ô tô như thỏa thuận trước đó, hợp đồng lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Sau khi làm hợp đồng xong, do tài khoản của anh Th chỉ có 11.000.000 đồng, chưa đủ tiền trả nên anh Th bảo bị cáo Tuấn A đi theo anh Th đến gần khu vực Ủy ban nhân dân xã Quang Sơn, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để anh Th vay tiền đưa cho bị cáo Tuấn A. Sau đó, anh Th điều khiển xe mô tô đi trước, bị cáo Tuấn A điều khiển xe ô tô chở bị cáo T đi theo anh Th. Trên đường đi, anh Th gọi điện vay tiền của anh Hoàng Văn Xuyên - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Xã Tân Thanh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang được 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Khi được anh Xuyên chuyển tiền thì anh Th dừng xe ở ven đường và chuyển số tiền 36.000.000 đồng cho bị cáo Tuấn A. Lúc này, bị cáo Tuấn A giao xe ô tô cho anh Th, đồng thời nhờ anh Th chở bị cáo Tuấn A và bị cáo T ra đường Quốc lộ 2C. Anh Th gửi xe mô tô tại nhà dân ven đường rồi điều khiển xe ô tô biển số 88A – 465.85 đưa bị cáo Tuấn A và bị cáo T đi ra Quốc lộ 2C đoạn gần chợ Ri thuộc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, anh Th điều khiển xe ô tô đến nhà nghỉ Thiên Đường thuộc T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Khi đứng ở Quốc lộ 2C, bị cáo Tuấn A gọi điện cho anh Nguyễn Tuấn Tùng (em trai của Tuấn A) - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố Thắng Lợi, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đến đón bị cáo Tuấn A và bị cáo T. Sau đó, anh Tùng điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, biển số 30H-399.81 chở chị Nguyễn Thị Hương Dịu - Sinh năm: 1993 (là người yêu ở cùng bị cáo Tuấn A) đến đón đưa bị cáo Tuấn A và bị cáo T đi về hướng tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường đi, bị cáo Tuấn A gọi điện vào số sim 0387.500.602 được cài đặt hệ thống định vị trên xe ô tô biển số 88A-465.85 thì phát hiện anh Th đang nói chuyện với anh Xuyên, trong đó có nội dung: "*Anh Th nói nếu mang xe ô tô này đi cắm sẽ được số tiền 200.000.000 triệu đồng*". Thấy vậy, bị cáo Tuấn A bảo anh Tùng điều khiển xe ô tô Mercedes, biển số 30H-399.81 quay lại đuổi theo xe ô tô anh Th vừa thuê theo vị trí định vị xe trên ứng dụng để lấy lại xe, không cho anh Th thuê xe ô tô nữa.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi anh Th vừa đỗ xe xuống trước cửa nhà nghỉ Thiên Đường thì anh Tùng điều khiển xe ô tô biển số 30H-399.81 đến đỗ ngay sau xe anh Th. Bị cáo Tuấn A và bị cáo T xuống xe đi về phía anh Th và lấy chìa khóa xe ô tô từ anh Th đồng thời yêu cầu anh Th lên xe ô tô để về công ty của bị cáo Tuấn A ở thành phố Hà Nội giải quyết. Bị cáo Tuấn A ngồi ở ghế lái, lúc này bị cáo Lưu Văn T tiếp tục yêu cầu anh Th lên xe thì anh Th lên xe và ngồi ở ghế trước bên phụ còn bị cáo T ngồi ở ghế sau. Sau đó, bị cáo Tuấn A điều khiển xe ra đường Quốc lộ 2C đi về phía tỉnh Vĩnh Phúc. Khi xe đi được khoảng 400m (thuộc địa phận thôn T, xã S, huyện S), anh Th xin bị cáo Tuấn A và bị cáo T cho xuống xe, nhưng các bị cáo không đồng ý mà điều khiển xe ô tô đi về hướng tỉnh Vĩnh Phúc. Xe ô tô đi được khoảng 04-05 km, anh Th tiếp tục xin xuống xe nhưng bị cáo Tuấn A và bị cáo T không đồng ý. Khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 2C thuộc khu vực chợ Đầm thuộc xã Thái Hòa, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (cách nhà nghỉ Thiên Đường khoảng 10Km), anh Th tiếp tục đòi xuống xe nhưng không được nên đã giật lấy vô lăng, bị cáo T và bị cáo Tuấn A

đẩy anh Th để anh Th bỏ tay ra khỏi vô lăng. Khi đó, xe đang di chuyển với tốc độ cao, thấy anh Th cầm vào vô lăng nguy hiểm nên bị cáo Tuấn A đạp phanh, anh Th bị đập đầu vào góc trên bên phải kính chắn gió phía trước làm kính bị rạn nứt. Anh Th và bị cáo T giằng co trên xe, bị cáo Tuấn A cho xe ô tô dừng ở lề đường thì anh Th mở được cửa xe phía trên bên phụ, bị cáo T vẫn ôm tay anh Th giữ lại nên anh Th kéo theo bị cáo T ra khỏi xe bằng cửa xe phía trên bên phụ. Sau đó, anh Th và bị cáo T xô xát với nhau tại lòng đường, bị cáo T dùng tay phải đấm 01 - 02 nhát trúng vào vùng mắt trái của anh Th thì anh Th bỏ chạy và đến Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trình báo sự việc.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 143/2023/KLTTCT-TTPY ngày 14-6-2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang đối với anh Đỗ Văn Th kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Văn Th tại thời điểm giám định là 04% (Bốn phần trăm).

Tại Kết luận giám định số: 870/KL-KTHS ngày 28-6-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Giấy phép lái xe số 260221128569 hạng B2 mang tên Đỗ Văn Th là giả.

Tại Kết luận định giá số: 57/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 27-6-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang kết luận: Giá trị của xe ô tô biển số 88A-465.85 tại thời điểm định giá là 998.617.454 đồng (Chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng).

Tại Kết luận định giá số: 152/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 10-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang kết luận: 01 kính chắn gió trước của xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, loại xe LUX A2.0, biển số 88A-465.85 trị giá 3.169.250 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Tại Kết luận giám định số: 1109/KL-KTHS ngày 09-10-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: không có thông tin xác định Đỗ Văn Th có ý định cắm xe ô tô biển số đăng ký 88A-465.85.

Tại cáo trạng số: 148/CT-VKSSD ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T về tội "Giữ người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thực hành quyền công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T phạm tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự: Tách vấn đề dân sự ra để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Ghi nhận và chuyển số tiền 10.000.000đ của bị cáo Nguyễn Tuấn A; số tiền 10.000.000đ của bị cáo Lưu Văn T đã nộp tại quá trình điều tra cho bị hại anh Đỗ Văn Th để bồi thường thiệt hại.

Người nhận tiền: Anh Đỗ Văn Th – Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Cầu Giát, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng:

01 thẻ nhớ (thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn A).

Trả lại cho bị hại anh Đỗ Văn Th tài sản không phải là vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu vàng, số IMEI 1: 350981862976070, số IMEI 2: 350981862800288, điện thoại đã qua sử dụng, không lắp sim (thu giữ của anh Đỗ Văn Th).

- Số tiền 37.000.000đ.

Về án phí, quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Tuấn A, bị cáo Lưu Văn T nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng:

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Lưu Văn T nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T khai phiên tòa phù hợp với lời

khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 27-5-2023 tại nhà nghỉ Thiên Đường thuộc thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, do nghi ngờ anh Đỗ Văn Th thuê xe ô tô biển số 88A – 465.85 để đi cầm cố nên bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T có hành vi giữ anh Đỗ Văn Th trên xe ô tô biển số 88A – 465.85 trái pháp luật để đưa về thành phố Hà Nội. Trên đường đi từ thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang về đến khu vực chợ Đầm thuộc xã Thái Hòa, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, mặc dù anh Đỗ Văn Th đã nhiều lần xin bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T cho anh Th xuống xe ô tô nhưng các bị cáo không đồng ý.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi giữ không cho bị hại anh Đỗ Văn Th đi đâu vượt ra ngoài sự kiểm soát của các bị cáo trái pháp luật với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T phạm tội "Giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (*bị cáo Tuấn A nộp số tiền 10.000.000đ, bị cáo T nộp số tiền 10.000.000đ*); các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng (*năm 2008, bị cáo Tuấn A bị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian 18 tháng; thời điểm phạm tội, bị cáo Tuấn A chưa đủ 18 tuổi và bị kết án về tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích*) do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A có bố là ông Nguyễn Thanh Xuân có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố Quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc được Nhà nước tặng tưởng nhiều huân chương và kỷ niệm chương nên bị cáo Tuấn A được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T làm nghề lao động tự do, không đảm nhiệm chức vụ nào trong công việc nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T nhận thức được bản thân mình không có thẩm quyền giữ người theo quy định của pháp luật, biết rõ việc ngăn cản, tước đoạt sự tự do, dịch chuyển thân thể của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo ít nghiêm trọng, chỉ xuất phát từ việc muốn bảo vệ tài sản của mình nhưng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm về thân thể, quyền tự do, dân chủ của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. HĐXX thấy rằng cần lên một mức án phù hợp tính chất, mức độ, hậu quả đối với hành vi của các bị cáo đã gây ra để giáo dục, cải tạo và răn đe, phòng ngừa chung tội phạm này.

HĐXX thấy rằng, đây là vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn không có tổ chức, mức độ phạm tội của các bị cáo ngang nhau.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, địa chỉ cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, HĐXX nhận thấy không cần dùng biện pháp cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Văn bản hợp nhất số: 02/VBHP-TANDTC ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tối cao là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự.

- Bị hại anh Đỗ Văn Th yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có mặt tại địa phương nên không thu thập được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh các khoản chi phí H trên. Do bị hại có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nhưng không cung cấp hoặc cung cấp chưa đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình do đó chưa có đủ điều kiện chứng minh và việc tách vấn đề dân sự ra giải quyết bằng một vụ án khác không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Do đó, HĐXX tách vấn đề dân sự ra để giải quyết trong vụ án dân sự khác khi bị hại yêu cầu là có căn cứ.

- Đối với số tiền 10.000.000đ của bị cáo Nguyễn Tuấn A và số tiền 10.000.000đ của bị cáo Lưu Văn T nộp tại quá trình điều tra. HĐXX xét thấy, các bị cáo nói trên để chuyển cho bị hại với mục đích bồi thường thiệt hại. Việc nộp số tiền nói trên là các bị cáo tự nguyện, không bị ép buộc, có mục đích rõ ràng. Do vậy, cần ghi nhận số tiền các bị cáo đã nộp và chuyển số tiền nói trên cho bị hại anh Đỗ Văn Th để bồi thường thiệt hại.

[7] Về vật chứng:

- Đối với chiếc thẻ nhớ thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn A là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, bị cáo Tuấn A đề nghị tiêu hủy theo quy định. Do vậy, HĐXX xét thấy cần tịch thu tiêu hủy vật chứng này là có căn cứ.

- Đối với chiếc điện thoại Iphone 12 Pro max, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu của chiếc điện thoại là anh Đỗ Văn Th và chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do vậy, HĐXX xét thấy cần trả lại cho anh Đỗ Văn Th là có căn cứ.

- Đối với số tiền 37.000.000đ bị cáo Tuấn A giao nộp, đây là số tiền anh Th đưa cho bị cáo Tuấn A để thuê xe. Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã làm chấm dứt hợp đồng thuê xe trước thời hạn đã thỏa thuận, mục đích thuê xe của anh Th không đạt được, các bị cáo tự nguyện trả lại cho bị hại Thành. HĐXX xét thấy cần trả lại số tiền trên cho anh Th là có căn cứ.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Lưu Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn với bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi bị cáo Lưu Văn T dùng tay đánh anh Đỗ Văn Th gây thương tích (tổn hại 04% sức khỏe) không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 18-10-2023, Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội số: 299/QĐ-XPHC đối với bị cáo Lưu Văn T về hành vi "Cố ý gây thương tích".

- Đối với hành vi anh Đỗ Văn Th thuê xe ô tô biển số đăng ký 88A – 465.85 của bị cáo Nguyễn Tuấn A, quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh anh Th thuê xe để mang đi cầm cố nên không đề cập xử lý.

- Đối với hành vi anh Đỗ Văn Th sử dụng giấy phép lái xe ô tô giả nhưng chưa thực hiện hành vi trái pháp luật nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Ngày 18-10-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã có công văn đề nghị Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Đỗ Văn Th theo quy định.

- Đối với người bán giấy phép lái xe ô tô giả cho anh Đỗ Văn Th, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

- Đối với kính chắn gió phía trước bên phụ ô tô nhãn hiệu VINFAST, loại xe LUX A2.0, biển số 88A-465.85 bị hư hỏng, thiệt hại 3.169.250 đồng do bị

cáo Tuấn A đạp phanh dẫn đến đầu của anh Th đập vào kính chắn gió gây nên, bị cáo Tuấn A và chị L không đề nghị gì, do vậy không đề cập xử lý.

- Đối với hành vi bị cáo Nguyễn Tuấn A giữ số tiền 37.000.000 đồng của anh Đỗ Văn Th (gồm: 1.000.000 đồng tiền vận chuyển xe ô tô; 30.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê xe ô tô; 6.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô), bị cáo Nguyễn Tuấn A đã nhiều lần liên hệ để trả lại anh Đỗ Văn Th nhưng anh Th không đồng ý, bị cáo Nguyễn Tuấn A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "Giữ người trái pháp luật". Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A **06** (**sáu**) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **01** (**một**) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 11-12-2023).

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn A về Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội "Giữ người trái pháp luật". Xử phạt bị cáo Lưu Văn T **06** (**sáu**) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **01** (**một**) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 11-12-2023).

Giao bị cáo Lưu Văn T về Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tách toàn bộ vấn đề dân sự trong vụ án ra để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tụng tố tụng dân sự khi bị hại có yêu cầu khởi kiện.

Ghi nhận và chuyển số tiền 10.000.000đ của bị cáo Nguyễn Tuấn A; số tiền 10.000.000đ của bị cáo Lưu Văn T đã nộp tại quá trình điều tra cho bị hại anh Đỗ Văn Th để bồi thường thiệt hại.

Người nhận tiền: Anh Đỗ Văn Th – Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Cầu Giát, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số tiền trên đã được Kho bạc Nhà nước huyện S, tỉnh Tuyên Quang chuyển từ tài khoản số 3591.0.9047103.00000 (tài khoản tạm gửi của Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang) đến tài khoản số 3949.0.1064844.00000 (tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

(Theo Công văn số: 976/CV-CQCSĐT ngày 20-11-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng

01 thẻ nhớ (thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn A).

Trả lại cho bị hại anh Đỗ Văn Th tài sản không phải là vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu vàng, số IMEI 1: 350981862976070, số IMEI 2: 350981862800288, điện thoại đã qua sử dụng, không lắp sim (thu giữ của anh Đỗ Văn Th).

(*Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20-11-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang*).

- Số tiền 37.000.000đ.

Người nhận tiền: Anh Đỗ Văn Th – Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Cầu Giát, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

(Số tiền trên đã được Kho bạc Nhà nước huyện S, tỉnh Tuyên Quang chuyển từ tài khoản số 3591.0.9047103.00000 (tài khoản tạm gửi của Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang) đến tài khoản số 3949.0.1064844.00000 (tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

(Theo Công văn số: 976/CV-CQCSĐT ngày 20-11-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-12-2023).

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Việt Cường